

Số: 514 /QĐ-UBND

Cổ Đạm, ngày 28 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt giá đất để đấu giá quyền sử dụng đất 56  
lô đất tại vùng quy hoạch xây dựng khu dân cư nông thôn  
mới thôn Vân Thanh Bắc, xã Cổ Đạm, tỉnh Hà Tĩnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;*

*Căn cứ Nghị định 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về việc quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 176/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh quy định Bảng giá đất lần đầu áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;*

*Căn cứ Quyết định 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND tỉnh về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030;*

*Căn cứ Văn bản số 2821/UBND-NL2, ngày 08/4/2026 của UBND tỉnh về việc xử lý kiến nghị của UBND xã Cổ Đạm;*

*Căn cứ Bản quy hoạch xây dựng khu dân cư nông thôn mới phía Bắc trường THPT Nghi Xuân, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh được UBND huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt;*

*Xét đề nghị của Phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 28/TTr-KT ngày 21/4/2026;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá đất để đấu giá quyền sử dụng đất 56 lô đất tại vùng quy hoạch xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Vân Thanh Bắc, xã Cổ Đạm, tỉnh Hà Tĩnh (Có danh sách cụ thể chi tiết các lô đất kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thuế Cở sở 3 tỉnh Hà Tĩnh và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- TT: Đảng ủy; HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

**CHỦ TỊCH**  
  
**Nguyễn Văn Tuấn**

**PHỤ LỤC**  
**PHÊ DUYỆT GIÁ ĐẤT ĐỀ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**TẠI VÙNG QUY HOẠCH XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI**  
**THÔN VÂN THANH BẮC, XÃ CỒ ĐẠM**

STT	Khu vực	Ký hiệu lô theo Bản quy hoạch	Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Giá đất tại Bảng giá đất (đồng/m <sup>2</sup> )	Dự kiến giá trị thu được (đồng)	Vị trí theo Bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 176/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh	Hệ số	Ghi chú
1	LK1	LK1-01	451	18	180,6	5.000.000	1.083.600.000	Đoạn 1: từ đất ông Đại đến Cầu Trọ Cừa	1,2	
2		LK1-02	450	18	170,8	5.000.000	854.000.000	Đoạn 1: từ đất ông Đại đến Cầu Trọ Cừa	1,0	
3		LK1-03	449	18	175,2	5.000.000	876.000.000	Đoạn 1: từ đất ông Đại đến Cầu Trọ Cừa	1,0	
4		LK1-04	448	18	184,3	5.000.000	921.500.000	Đoạn 1: từ đất ông Đại đến Cầu Trọ Cừa	1,0	
5		LK1-05	447	18	198,1	5.000.000	990.500.000	Đoạn 1: từ đất ông Đại đến Cầu Trọ Cừa	1,0	
6		LK1-06	446	18	216,1	5.000.000	1.080.500.000	Đoạn 1: từ đất ông Đại đến Cầu Trọ Cừa	1,0	
7		LK1-07	445	18	235,0	5.000.000	1.175.000.000	Đoạn 1: từ đất ông Đại đến Cầu Trọ Cừa	1,0	
8		LK1-08	444	18	253,8	5.000.000	1.269.000.000	Đoạn 1: từ đất ông Đại đến Cầu Trọ Cừa	1,0	
9		LK1-09	443	18	272,7	5.000.000	1.363.500.000	Đoạn 1: từ đất ông Đại đến Cầu Trọ Cừa	1,0	
10		LK1-10	442	18	223,6	5.000.000	1.118.000.000	Đoạn 1: từ đất ông Đại đến Cầu Trọ Cừa	1,0	
11		LK1-11	441	18	259,3	5.000.000	1.555.800.000	Đoạn 1: từ đất ông Đại đến Cầu Trọ Cừa	1,2	
12		LK1-12	462	18	203,2	5.000.000	1.016.000.000	Tuyển vào Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
13		LK1-13	461	18	201,5	5.000.000	1.007.500.000	Tuyển vào Trường THPT Nghi Xuân	1,0	

14		LK1-14	463	18	205,9	5.000.000	1.235.400.000	Tuyển vào Trường THPT Nghi Xuân	1,2	
15		LK1-15	460	18	185,3	4.500.000	833.850.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
16		LK1-16	459	18	185,3	4.500.000	833.850.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
17		LK1-17	458	18	185,3	4.500.000	833.850.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
18		LK1-18	457	18	185,3	4.500.000	833.850.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
19		LK1-19	456	18	185,3	4.500.000	833.850.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
20		LK1-20	455	18	185,3	4.500.000	833.850.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
21		LK1-21	454	18	185,3	4.500.000	833.850.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
22		LK1-22	453	18	185,3	4.500.000	833.850.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
23		LK1-23	452	18	221,2	4.500.000	1.194.480.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,2	
24	LK2	LK2-01	474	18	214,4	4.500.000	1.157.760.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,2	
25		LK2-02	473	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
26		LK2-03	472	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
27		LK2-04	471	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường	1,0	

							THPT Nghi Xuân		
28	LK2-05	470	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
29	LK2-06	469	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
30	LK2-07	468	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
31	LK2-08	467	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
32	LK2-09	466	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
33	LK2-10	464	18	182,6	5.000.000	1.095.600.000	Tuyển vào Trường THPT Nghi Xuân	1,2	
34	LK2-11	465	18	185,4	5.000.000	927.000.000	Tuyển vào Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
35	LK2-12	485	18	183,6	5.000.000	918.000.000	Tuyển vào Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
36	LK2-13	484	18	177,4	5.000.000	1.064.400.000	Tuyển vào Trường THPT Nghi Xuân	1,2	
37	LK2-14	483	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
38	LK2-15	482	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
39	LK2-16	481	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
40	LK2-17	480	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
41	LK2-18	479	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	

								Xuân		
42		LK2-19	478	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
43		LK2-20	477	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
44		LK2-21	476	18	195,0	4.500.000	877.500.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
45		LK2-22	475	18	241,0	4.500.000	1.301.400.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,2	
46	LK3	LK3-01	496	18	251,6	4.500.000	1.358.640.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,2	
47		LK3-02	495	18	200,0	4.500.000	900.000.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
48		LK3-03	494	18	200,0	4.500.000	900.000.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
49		LK3-04	493	18	200,0	4.500.000	900.000.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
50		LK3-05	492	18	200,0	4.500.000	900.000.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
51		LK3-06	491	18	200,0	4.500.000	900.000.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
52		LK3-07	490	18	200,0	4.500.000	900.000.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
53		LK3-08	489	18	200,0	4.500.000	900.000.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
54		LK3-09	488	18	200,0	4.500.000	900.000.000	Khu quy hoạch gần Trường THPT Nghi Xuân	1,0	

55		LK3-10	486	18	181,6	5.000.000	1.089.600.000	Tuyển vào Trường THPT Nghi Xuân	1,2	
56		LK3-11	487	18	217,2	5.000.000	1.086.000.000	Tuyển vào Trường THPT Nghi Xuân	1,0	
<b>Tổng cộng</b>					<b>11238,5</b>		<b>54.649.980.000</b>			

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CỎ ĐẠM**